BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2020/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2020*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09 tháng 2 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (viết tắt là TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật (viết tắt là QCKT), bao gồm lập kế hoạch, rà soát, xây dựng, thẩm định TCVN và QCKT.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Uỷ ban nhân dân cá c tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ, ngành, địa phương), các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình được áp dụng các quy định của Thông tư này.

Điều 2. Nguồn kinh phí xây dựng TCVN, QCKT

1. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

3. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Công tác quản lý, xây dựng TCVN, QCKT là nhiệm vụ theo chức năng của các Bộ, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền quy định. Trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng TCVN, QCKT trong năm, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm định TCVN, QCKT cho phù hợp với tiến độ triển khai nhiệm vụ.

2. Đối với các khoản kinh phí tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân phục vụ cho việc xây dựng TCVN, QCKT thực hiện theo thoả thuận với nhà tài trợ, hỗ trợ; trong trường hợp không có thoả thuận cụ thể với nhà tài trợ, hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi

1. Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng TCVN và QCKT

a) Chi công lao động thuê ngoài đối với các cán bộ, chuyên gia trực tiếp tham gia xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

b) Chi công tác nghiên cứu, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, phân tích kết quả điều tra, khảo sát, thử nghiệm, khảo nghiệm phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

c) Chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phục vụ công tác xây dựng TCVN, QCKT (nếu có);

d) Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT;

đ) Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

e) Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc Tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT, hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học về dự thảo TCVN, QCKT;

f) Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch TCVN, QCKT sang tiếng nước ngoài;

g) Chi thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

h) Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCVN, QCKT (nếu có);

i) Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT.

2. Nội dung chi phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT bao gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo phục vụ công tác lập kế hoạch, rà soát chuyển đổi TCVN, QCKT;

b) Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo TCVN, QCKT;

c) Chi nhận xét đánh giá phản biện của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định có báo cáo phản biện, đánh giá thẩm định về dự thảo TCVN, QCKT;

d) Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có);

đ) Các khoản chi văn phòng phẩm, chi phí in ấn, phô tô tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT.

Điều 5. Định mức chi xây dựng TCVN, QCKT

1.Định mức chi cụ thể:

a) Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo TCVN, QCKT (nếu có): Mức chi tối đa là 20.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCVN, QCKT không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi tối đa 45.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCVN, QCKT cần phải khảo sát, khảo nghiệm;

b) Chi lập dự án TCVN, QCKT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi xây dựng thuyết minh dự thảo TCVN, QCKT, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và

công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN);

d) Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

đ) Chi thuê chuyên gia trong nước: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCVN, QCKT;

e) Chi thuê chuyên gia nước ngoài: Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCVN, QCKT;

f) Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN, QCKT: Mức chi tối đa là 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCVN, QCKT;

g) Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

h) Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN:

- Trưởng ban: tối đa 150.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên Ban kỹ thuật: tối đa 100.000 đồng/người/buổi.

i) Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCVN, QCKT, mức chi như sau:

- Chủ trì cuộc họp: Tối đa 600.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên tham dự: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi.

j) Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Áp dụng định mức chi quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân

sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

k) Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

l) Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCVN, QCKT: Tuỳ theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp;

m) Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCVN, QCKT: Mức chi tối đa 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

n) Chi họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo TCVN, QCKT, mức chi được quy định như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên Hội đồng: Tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

o) Chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

p) Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và khả năng ngân sách, mức độ đặc biệt phức tạp hoặc mang tính liên ngành của các TCVN, QCKT; các Bộ, cơ quan Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này

3. Trường hợp các nội dung chi về vật tư, hoá chất, nguyên nhiên vật liệu, chi phí khảo nghiệm không có các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng TCVN, QCKT quyết định mức chi cho các nội dung này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

Điều 6. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT

Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Lập dự toán:

a) Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của các cấp có thẩm quyền; căn cứ vào nội dung, yêu cầu khối lượng công việc xây dựng các dự án TCVN, QCKT; căn cứ vào các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng TCVN, QCKT lập dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT trình cơ quan chủ quản.

b) Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ kế hoạch xây dựng TCVN, QCKT thuộc lĩnh vực quản lý và dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT do các đơn vị trực thuộc lập theo quy định của Thông tư này để tổng hợp chung vào dự toán của Bộ, ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Phân bổ và giao dự toán

Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; các Bộ, ngành, địa phương phân bổ và giao dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT theo nội dung chi quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và Thông tư này; đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm tra và thực hiện.

3. Thực hiện dự toán chi ngân sách

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Quyết toán

a) Báo cáo quyết toán

Các đơn vị được giao dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT phải thực hiện công tác khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và trách nhiệm xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Kinh phí xây dựng TCVN, QCKT được quyết toán phù hợp với nguồn kinh phí sử dụng và phù hợp với mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và tổng hợp trong báo cáo quyết toán hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán

Việc xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT hàng năm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-

BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

5. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân chủ trì xây dựng TCVN, QCKT

a) Đơn vị, tổ chức chủ trì xây dựng TCVN, QCKT phải thực hiện đúng các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng TCVN, QCKT theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Người chủ trì phải chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu xây dựng TCVN, QCKT theo dự án đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm báo cáo và thuyết minh số liệu quyết toán kinh phí thực hiện với đơn vị, tổ chức chủ trì.

c) Đơn vị, tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý theo dõi và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện, chịu trách nhiệm kiểm tra, xét xuyệt quyết toán kinh phí thực hiện xây dựng TCVN, QCKT và tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị và gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án xây dựng TCVN và QCKT đã được phê duyệt dự toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN BKHCN ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật trước ngày hiệu lực của Thông tư này thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được duyệt.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2020.

2. Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này thực hiện đến hết năm 2020. Từ năm 2021 trở đi thực hiện theo quy định chung về chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản

lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (280 bản).